

THỰC TRẠNG BỆNH ĐỤC THỂ THỦY TINH Ở NGƯỜI CAO TUỔI TẠI 4 HUYỆN/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2011

HOÀNG NĂNG TRỌNG, VŨ PHONG TÚC
Trường Đại học Y Thái Bình

TÓM TẮT

Nghiên cứu dịch tễ học mô tả được thực hiện với 1536 người cao tuổi nhằm mục tiêu: Xác định tỷ lệ bệnh đục thể thủy tinh ở người cao tuổi tại 4 huyện/thành phố thuộc Quảng Ninh năm 2011.

Kết quả cho thấy tỷ lệ người cao tuổi bị đục thể thủy tinh chiếm 38,3%. Trong đó tỷ lệ đục TTT tại huyện Yên Hưng là cao nhất chiếm 39,6%, tại huyện Đông Triều thấp hơn cũng chiếm tỷ lệ đục TTT là 37,0%. Tỷ lệ người cao tuổi bị đục TTT ở nữ (58,7%) cao hơn nam (41,3%). Tỷ lệ người cao tuổi đục TTT được phát hiện ở độ tuổi 70-79 là chiếm 52,8% trong khi đó độ tuổi 60-70 tuổi chiếm 17,0%. Tỷ lệ mù lòa ở người cao tuổi do đục TTT ở các địa phương chiếm từ 22,7% đến 28,4%.

Từ khóa: bệnh đục thể thủy tinh, người cao tuổi
SUMMARY

The descriptive epidemiological study was implemented among 1536 elderly with the objective as to identify cataract of elderly at 4 district/city of Quangninh Province in 2011.

The results showed that the percentage of elderly's cataract accounted for 38.3%. In which the percentage of cataract in Yen Hung district highest (39.6%), following in Dongtrieu district (37.0%). The percentage of female with cataract was higher than that male 58.7% versus 41.3%. Percentage of cataract of elderly at 70-79 was 52.8%, while

percentage of cataract of age group of 60-70 accounted for 17.0%. The proportion of blindness in the elderly due to cataract at 4 districts were from 22.7% to 28.4%.

Keywords: cataract, elderly

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong các bệnh lý ở người cao tuổi (NCT) thì bệnh đục thể thủy tinh (TTT) rất thường gặp và là nguyên nhân hàng đầu gây giảm thị lực và mù lòa ở NCT. Đục TTT tuy không gây nguy hiểm đến tính mạng nhưng ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống sinh hoạt của người cao tuổi. Thị lực mờ dần và mất hẳn khiến người cao tuổi làm việc và sinh hoạt khó khăn, trở nên bị quan với cuộc sống. Để giải quyết mù lòa do đục TTT, phương pháp điều trị chủ yếu là phẫu thuật và đục TTT được xếp vào nhóm bệnh gây mù lòa có thể phòng tránh được. Tuy vậy ở một số vùng do điều kiện kinh tế khó khăn, người cao tuổi không đủ kinh phí chi trả cho việc thay thể thủy tinh, đặc biệt việc hiểu biết cách phòng chống và phương pháp điều trị của người dân còn hạn chế vì vậy một bộ phận không nhỏ người cao tuổi mắc căn bệnh này vẫn phải sống trong tình trạng không nhìn thấy ánh sáng.

Tại Việt Nam, tỷ lệ NCT có thị lực thấp và mù lòa chiếm tỷ lệ rất cao. Theo thống kê của Bệnh viện Mắt Trung ương cả nước có tới 35% người mù do đục thủy tinh thể không biết bản thân bị bệnh hoặc đây là

bệnh có thể chữa được. Đa số người bệnh lại đến viện khi ở giai đoạn muộn, rất khó phục hồi thị lực có khi phải chịu mù vĩnh viễn.

Công tác chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa tại tỉnh Quảng Ninh còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ mù cả hai mắt trong dân số NCT còn cao, trong đó nguyên nhân chính là đục TTT. Một khó khăn cho công tác giải phóng mù lòa là đến nay chưa có các cuộc điều tra, đánh giá tình hình bệnh đục TTT và các vấn đề có liên quan trên phạm vi toàn tỉnh. Vì vậy, chúng tôi nghiên cứu đề tài nhằm các mục tiêu: Xác định tỷ lệ bệnh đục thể thủy tinh ở người cao tuổi tại 4 huyện/thành phố thuộc tỉnh Quảng Ninh năm 2011.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm, đối tượng và thời gian nghiên cứu:

1.1. *Địa điểm nghiên cứu:* 4 địa điểm là thành phố Cẩm Phả, huyện Yên Hưng, Huyện Đông Triều và huyện Tiên Yên.

1.2. *Đối tượng nghiên cứu:* Người cao tuổi tại 04 địa phương nghiên cứu. Tiêu chuẩn lựa chọn là những người từ 60 tuổi trở lên, không có các bệnh cấp tính về mắt và toàn thân, có khả năng phối hợp khám và sử dụng các phương pháp hỗ trợ thị lực.

1.3. *Thời gian nghiên cứu:* từ tháng 03/2011 đến tháng 8/2011

2. Phương pháp nghiên cứu:

2.1. *Thiết kế nghiên cứu:* Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp dịch tễ học mô tả cắt ngang.

2.2. Chọn mẫu và cỡ mẫu:

- *Cỡ mẫu:* Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho điều tra mô tả cắt ngang, cỡ mẫu điều tra ở mỗi vùng là 384. Tổng số mẫu điều tra sẽ là: $384 \times 4 = 1536$ (người).

- *Chọn mẫu:* Bốc thăm chọn ngẫu nhiên xã, phường điều tra. Dựa trên danh sách sách người cao tuổi ở xã, phường, bằng kỹ thuật bốc thăm ngẫu nhiên để tiến hành khám điều tra, sau đó áp dụng phương pháp công liên công cho đến khi đủ cỡ mẫu. Tại mỗi hộ gia đình thực hiện phỏng vấn đối tượng nghiên cứu. Tập trung những đối tượng có biểu hiện đục thể thủy tinh khám và điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện, thị xã.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Tỷ lệ người cao tuổi bị đục TTT theo địa phương

Đối tượng Địa phương	Người cao tuổi	Đục TTT	TL (%)
Cẩm Phả	384	150	39,1
Đông Triều	384	142	37,0
Tiên Yên	384	145	37,8
Yên Hưng	384	152	39,6
Tổng	1536	589	38,3

Tỷ lệ người cao tuổi bị đục thể thủy tinh trong nghiên cứu chiếm 38,3%. Trong đó tỷ lệ đục TTT tại huyện Yên Hưng là cao nhất chiếm 39,6%, tại huyện Đông Triều thấp hơn cũng chiếm tỷ lệ đục TTT là 37,0%.

Bảng 2. Tỷ lệ người cao tuổi đục TTT của các địa phương theo giới

Địa phương	Nam		Nữ	
	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Cẩm Phả	150	39,1	234	60,9
Đông Triều	158	41,1	226	58,9
Tiên Yên	164	42,7	220	57,3
Yên Hưng	163	41,1	234	58,9
Tổng	635	41,3	901	58,7

Tỷ lệ đục người cao tuổi bị đục TTT ở nữ (58,7%) cao hơn nam (41,3%). Trong đó phân loại theo giới tính nữ thì đục TTT tại Cẩm Phả cao nhất chiếm 60,9%. Đông Triều là: 58,9%. Tiên Yên là 57,3%. Yên Hưng là 58,9%.

Bảng 3. Tỷ lệ người cao tuổi đục TTT của các địa phương theo độ tuổi

Địa phương	60-70		70-79		≥ 80	
	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Cẩm Phả	17	2,9	77	13,1	56	9,5
Đông Triều	38	6,5	71	12,1	33	5,6
Tiên Yên	28	4,8	85	14,4	32	5,4
Yên Hưng	17	2,9	78	13,2	57	9,7
Tổng cộng:	100	17,0	311	52,8	178	30,2

Tỷ lệ khám phát hiện đục TTT theo các nhóm tuổi có sự khác nhau. Tỷ lệ người cao tuổi đục TTT được phát hiện ở độ tuổi 70-79 là cao chiếm 52,8% trong khi đó độ tuổi 60-70 tuổi chiếm 17,0%.

Bảng 4. Tỷ lệ mù lòa do đục TTT tại các địa phương theo độ tuổi

Địa phương	60-69		70-79		≥ 80		Tổng số	
	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Cẩm Phả	3	2,1	17	12,1	14	9,9	34	24,1
Đông Triều	7	5,0	16	11,3	9	6,4	32	22,7
Tiên Yên	5	3,5	21	14,9	9	6,4	35	24,8
Yên Hưng	5	3,5	19	13,5	16	11,3	40	28,4
Tổng cộng	20	14,2	73	51,8	48	34,0	141	100

Tỷ lệ mù lòa ở người cao tuổi do đục TTT ở các địa phương chiếm từ 22,7% đến 28,4%. Nhóm bệnh nhân mù lòa do đục thể thủy tinh ở nhóm tuổi từ 70-79 chiếm tỷ lệ cao nhất: 51,8%.

Bảng 5. Tỷ lệ người cao tuổi phẫu thuật thay TTT tại các địa phương

Địa phương	60-69		70-79		≥ 80		Tổng số	
	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
Cẩm Phả	2	2,0	13	12,7	11	10,8	26	25,5
Đông Triều	5	4,9	12	11,8	7	6,9	24	23,5
Tiên Yên	3	2,9	14	13,7	7	6,9	24	23,5
Yên Hưng	3	2,9	13	12,7	12	11,8	28	27,5
Tổng cộng	13	12,7	52	51,0	37	36,3	102	100

Tỷ lệ BN được phẫu thuật thay TTT tăng dần theo độ tuổi. Tuổi càng cao thì tỷ lệ đục TTT càng cao, nguy cơ bị mù lòa càng cao nên tỷ lệ được phẫu

thuật càng cao. Tỷ lệ bệnh nhân được phẫu thuật cao nhất ở Yên Hưng chiếm 27,5%, tiếp theo là Cẩm Phả chiếm 25,5%, Đông Triều và Tiên Yên chiếm 23,5.

BÀN LUẬN

Tại Quảng Ninh theo nghiên cứu tỉ lệ đục TTT tập trung chủ yếu ở người cao tuổi, tuổi càng cao tỷ lệ này càng lớn. Điều này hoàn toàn phù hợp với kết quả nghiên cứu của viện mắt Trung ương 1990 tỷ lệ hiện mắc của người mù lòa 0,86%; 1995 là 1,25% và 2007 là 0,53% trong dân số [41]. Vì chỉ một vài năm gần đây công tác chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa tại Quảng Ninh mới được quan tâm. Vì vậy nguồn lực cho mắt ở Quảng Ninh hiện rất thấp. Đặc biệt nhận thức về căn bệnh này của cộng đồng còn thấp một số rất mơ hồ.

- Đa số đục thể thủy tinh ở độ tuổi 70-79 là cao nhất chiếm đến : 50,18%. Theo L.Buratto [10] tuổi mổ đục thể thủy tinh bằng phương pháp tán nhuyễn TTT tốt nhất là 60 ± 10 ; những nghiên cứu đưa bằng chứng rằng nữ ở mọi khu vực trên thế giới và tất cả những lứa tuổi cho thấy nguy cơ đục thể thủy tinh cao hơn nam giới một cách có ý nghĩa, phần lớn nguyên nhân là do tuổi thọ cao hơn và thiếu tiếp cận với các dịch vụ ở những khu vực nghèo.

Tỷ lệ nữ tại các địa phương nghiên cứu luôn cao hơn nam. Cẩm phả giới tính nữ chiếm 85,16%. Đông Triều là: 82,39%. Tiên Yên là 69,12%. Yên Hưng là 77,03%. Tỷ lệ nam nữ tại các địa phương nghiên cứu có sự khác biệt chủ yếu là do tuổi thọ trung bình của người cao tuổi tại các vùng. Tuổi thọ của nữ giới thường cao hơn nam.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ đục thể thủy tinh trong nhóm người cao tuổi chiếm là 586 người chiếm 38,3%. trong số người cao tuổi. Điều này phù hợp với nghiên cứu của viện mắt Trung ương năm 2002: Tỷ lệ hiện mắc của người có thị lực thấp 21% trong nhóm người già trên 50 tuổi [5].

Trong số bệnh nhân đục TTT, số bị mù lòa (thị lực giảm, ĐNT < 3m) tại các địa bàn nghiên cứu tại Quảng Ninh là 141 người, chiếm tỷ lệ 25 % so với người đục thể thủy tinh; chiếm 9,1% người cao tuổi ;

điều đó hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của tổ chức ORBIS tại Việt Nam tỷ lệ hiện mắc của người mù 4,67% trong nhóm người già trên 50 tuổi năm 2002 [5], thực tiễn, Quảng Ninh là tỉnh mới triển khai can thiệp phẫu thuật trong thời gian ngắn và cũng chỉ là sự hỗ trợ của các tổ chức Quốc tế và tổ chức trong nước còn thực lực Quảng Ninh nguồn lực về công tác chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa còn quá thấp, triển khai chưa tốt, nên tỷ lệ bệnh nhân bị mù lòa do đục thể thủy tinh vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ người cao tuổi bị đục thể thủy tinh trong nghiên cứu chiếm 38,3%. Trong đó tỷ lệ đục TTT tại huyện Yên Hưng là cao nhất chiếm 39,6%, tại huyện Đông Triều thấp hơn cũng chiếm tỷ lệ đục TTT là 37,0%. Tỷ lệ người cao tuổi bị đục TTT ở nữ (58,7%) cao hơn nam (41,3%).

Tỷ lệ người cao tuổi đục TTT được phát hiện ở độ tuổi 70-79 là cao chiếm 52,8% trong khi đó độ tuổi 60-70 tuổi chiếm 17,0%. Tỷ lệ mù lòa ở người cao tuổi do đục TTT ở các địa phương chiếm từ 22,7% đến 28,4%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Nhân, Đỗ Văn Phúc (1991): Xây dựng chuyên khoa mắt tuyến huyện thực hiện các hoạt động phòng chống mù lòa. *Đề tài nghiên cứu cấp Bộ*, Bộ Y tế, 1991.
2. Tôn Thị Kim Thanh, Nguyễn Chí Dũng (2001): Đánh giá chương trình mắt Việt Nam do Tổ chức FHF tài trợ giai đoạn 1992-2000. *Báo cáo tại hội thảo toàn quốc*, Huế tháng 5/2001.
3. Tôn Thị Kim Thanh, Nguyễn Chí Dũng: (2002) Báo cáo 45 năm xây dựng và phát triển công tác phòng chống mù lòa ở Việt Nam từ 1957-2002. *Hội thảo quốc gia tổng kết công tác phòng chống mù lòa*. Tam đảo 7/2002.
4. Nguyễn Chí Dũng (2007) Quản lý bệnh đục thể thủy tinh hướng tới mục tiêu Thị giác năm 2020.
5. ORBIS, Thị giác 2020- Quyền được nhìn thấy tại Việt Nam. *Dự án hỗ trợ thực hiện các mục tiêu chương trình*.